TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Ông Trần Minh Giám

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Đ**, sinh năm 1999.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trương Thị Đ trình bày*:

Chị và anh Dương Văn H tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đ năm 2019 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 04/3/2019.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không tôn trọng chị, thường ăn nhậu dẫn đến vợ chồng cãi nhau, có lần anh H đánh đập chị. Chị Đ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không thành nên vợ chồng chị sống ly thân nhau cách nay 02 năm, thời gian ly thân không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Đ xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Dương Văn H đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Trương Thị Đ và anh Dương Văn H tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đ vào năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chi Đẹp khai là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H thường ăn nhậu dẫn đến vợ chồng cãi vã, có lần anh H còn đánh đập chị. Cách nay 02 năm chị Đ và anh H sống ly thân nhau. Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản nhưng không đến Tòa án thể hiện anh không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Đ. Nay chị Đ xin ly hôn và khai không có con chung. Căn cứ các Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị Đ có yêu cầu vắng mặt, anh Dương Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Trương Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Dương Văn H, theo biên bản xác minh ngày 16/12/2022 tại Công an xã T, huyện N thể hiện anh H có thường

trú và đang sinh sống tại ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Trương Thị Đ, bị đơn là anh Dương Văn H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Đ và anh Dương Văn H chung sống vào năm 2018, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, đến năm 2019 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 04/3/2019. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Đ khai là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H thường ăn nhậu dẫn đến vợ chồng bất hoà, có lần anh H còn đánh đập chị. Vợ chồng chị Đ sống ly thân nhau cách nay 02 năm không hoà giải đoàn tụ lần nào. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án, thể hiện anh H không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Đ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đ, anh H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Đ được ly hôn anh H là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Đ khai không có nên không xem xét.

[5]. Tài sản chung: Chị Đ khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Chị Đ khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Đ về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Dương Văn H.

1. Xử: Cho chị Trương Thị Đ được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008578 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Chị Trương Thị Đ, anh Dương Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai